

# KNOWLEDGE, ATTITUDE OF HEALTH STAFF ABOUT ADVERSE DRUG REACTIONS REPORTING IN VINMEC TIMES CITY HOSPITAL IN 2023

Nguyen Thi Binh An<sup>1\*</sup>, Do Hong Cong<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Thang Long University - Nghiem Xuan Yem, Dai Kim, Hoang Mai, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>Vinmec Hospital - 458 Minh Khai Ward, Times City, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

Received: 19/12/2023

Revised: 20/01/2024; Accepted: 20/02/2024

## ABSTRACT

**Objectives:** Describe knowledge, attitude of health staff about adverse drug reactions reporting and analyze some related factors.

**Research method:** Cross-sectional study using semi- structure questionnaire interviewing 325 health staffs of the hospital

**Results:** Research results show that only 14,1% of health staff has knowledge about adverse drug reactions reporting, the proportion of health staff with a positive attitude towards adverse drug reactions was 73.4%. The factor related to attitudes about adverse drug reactions was the departments of health workers.

**Conclusion:** The hospital needs to strengthen communication and training activities about regulations for adverse drug reactions reporting to health staff.

*Keywords:* ADR, Vinmec Times City Hospital.

---

\*Corresponding author

Email address: [anntb@thanglong.edu.vn](mailto:anntb@thanglong.edu.vn)

Phone number: (+84) 355 108 853

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i2.956>

# THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ VỀ BÁO CÁO PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC TIMES CITY NĂM 2023

Nguyễn Thị Bình An<sup>1\*</sup>, Đỗ Hồng Công<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Thăng Long - Nghiêm Xuân Yêm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Bệnh viện Vinmec Times City - 458 P. Minh Khai, Khu đô thị Times City, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 19 tháng 12 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 20 tháng 01 năm 2024; Ngày duyệt đăng: 20 tháng 02 năm 2024

## TÓM TẮT

**Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả thực trạng kiến thức và thái độ của nhân viên y tế về báo cáo phản ứng có hại của thuốc và phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ của nhân viên y tế tại bệnh viện Vinmec Times City.

**Phương pháp nghiên cứu:** Đây là một nghiên cứu mô tả cắt ngang sử dụng số liệu sơ cấp phỏng vấn 375 nhân viên y tế tại bệnh viện

**Kết quả nghiên cứu:** Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 14,1% nhân viên y tế có kiến thức đầy đủ về báo cáo phản ứng có hại của thuốc, tỷ lệ nhân viên y tế có thái độ tích cực với hoạt động báo cáo phản ứng có hại của thuốc là 73,4%. Yếu tố liên quan đến thái độ về phản ứng có hại của thuốc là nơi làm việc của nhân viên y tế

**Kết luận:** Bệnh viện cần tăng cường hoạt động truyền thông, tuyên truyền về quy định báo cáo báo cáo phản ứng có hại của thuốc cho nhân viên y tế

*Từ khoá:* Phản ứng có hại của thuốc, Bệnh viện Vinmec Times City

---

\*Tác giả liên hệ

Email: [anntb@thanglong.edu.vn](mailto:anntb@thanglong.edu.vn)

Điện thoại: (+84) 355 108 853

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i2.956>



## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phản ứng có hại của thuốc (ADR) là phổ biến trong lâm sàng và các nghiên cứu đã chỉ ra tỷ lệ này tương đối không thay đổi theo thời gian (từ 5% đến 10%)[1].

Tại Việt Nam, theo dữ liệu của Trung tâm Quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc năm 2022 đã tiếp nhận và xử lý 19591 báo cáo (đạt 199 báo cáo/1 triệu dân). Trong đó, 14942 báo cáo ADR được gửi từ các cơ sở khám, chữa bệnh; 2711 báo cáo ADR xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm (17 báo cáo trùng với báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh); và 1955 báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng từ các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam. Trong số các báo cáo đã tiếp nhận, có 19352 (98,75%) báo cáo về biến cố bất lợi của thuốc, 109 (0,6%) báo cáo về chất lượng thuốc, 15 (0,08%) báo cáo về sai sót trong sử dụng thuốc và 132 (0,67%) báo cáo về các vấn đề khác (báo cáo liên quan đến thiết bị y tế, sử dụng với chỉ định chưa được phê duyệt...). Cũng theo báo cáo này năm 2022, 847 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã gửi báo cáo ADR (giảm 2,6% so với năm 2021). Phần lớn báo cáo được gửi từ các đơn vị ở Đông Nam bộ và vùng đồng bằng sông Hồng, từ các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa và bệnh viện thuộc khối các bệnh viện công lập [2].

Câu hỏi được đặt ra là bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City là cơ sở y tế tư nhân đầu tiên trong tổng số bảy bệnh viện trong hệ thống, 3 lần đạt chứng chỉ của tổ chức Joint Commission International (JCI) về an toàn người bệnh, một bệnh viện rất coi trọng các hoạt động báo cáo sự cố cũng như an toàn thuốc trong thực hành lâm sàng như vậy thì kiến thức và thái độ của nhân viên y tế bệnh viện về báo cáo phản ứng có hại của thuốc đang ở mức nào và có yếu tố liên quan nào ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ của nhân viên y tế bệnh viện với vấn đề trên. Nhằm mục đích nâng cao nhận thức, trách nhiệm và thực hành của nhân viên y tế của bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City trong việc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “*Thực trạng kiến thức và thái độ của nhân viên y tế về báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City năm 2023*”

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 04/2023 đến tháng 10/2023 tại Bệnh viện đa khoa Vinmec

**2.3. Đối tượng nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện trên đối tượng nhân viên y tế tại bệnh viện đa khoa Vinmec Times City.

#### 2.3.1. Tiêu chuẩn lựa chọn:

Nhân viên y tế (bác sỹ, điều dưỡng viên - hộ sinh viên) tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City tình nguyện tham gia vào cuộc khảo sát.

#### 2.3.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Nhân viên y tế (bác sỹ, điều dưỡng viên - hộ sinh viên) không trực tiếp tham gia vào hoạt động điều trị, chăm sóc liên quan đến sử dụng thuốc trên người bệnh và kỹ thuật viên.

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

#### Cỡ mẫu

Cỡ mẫu tính theo công thức ước tính theo một tỉ lệ với sai số tuyệt đối [4]

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- Chọn  $\alpha = 0,05$ ; độ tin cậy 95%.

- d: là độ sai lệch chấp nhận so với các nghiên cứu khác là 5%.

- p: lấy theo nghiên cứu của Bùi Thị Trà thực hiện năm 2015, với p kiến thức là 0,368.

Để dự phòng tỷ lệ phiếu không hợp lệ, nghiên cứu lấy thêm 5% số phiếu, do vậy cần lấy 375 mẫu [3].

#### Phương pháp chọn mẫu

Dựa vào danh sách NVYT tại khoa để lựa chọn người tham gia nghiên cứu theo tiêu chuẩn chọn mẫu. Để đảm bảo quá trình lấy mẫu được ngẫu nhiên, nhóm nghiên cứu sẽ lên danh sách NVYT của từng nhóm đối tượng và theo khoa phòng để lấy mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống với bước nhảy  $K = 3$  (số lượng NVYT tế đạt điều kiện khoảng 1200) cho đến khi đủ 375 mẫu, những trường hợp không thể lấy được mẫu thì người đứng kế tiếp theo trong danh sách sẽ được lựa chọn.

## 2.5. Biến số nghiên cứu

Biến đầu ra của nghiên cứu (biến kết cục): Kiến thức về ADR và thái độ với hoạt động báo cáo ADR

Biến giải thích: tuổi, giới, chuyên môn, bằng cấp, vị trí công tác, năm kinh nghiệm

## 2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

### Công cụ thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi dùng trong nghiên cứu bởi tác giả Trần Thị Lan Anh và cộng sự [5] và được điều chỉnh nhỏ cho phù hợp với Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Vinmec Times City.

Trong nghiên cứu này kiến thức đúng là khi NVYT trả lời đúng các câu hỏi về khái niệm ADR và các câu hỏi việc báo cáo ADR và thái độ đúng là: Khi NVYT có các câu trả lời ở phần thái độ ở trên mức 4 (trên thang 5 của likert)

### Quy trình thu thập số liệu

Phiếu phát vấn sau khi hoàn thiện sẽ được giao cho điều dưỡng trưởng (những người đã được đào tạo thu thập số liệu) các khoa phòng có đối tượng nghiên cứu để tiến hành khảo sát, nghiên cứu viên sẽ giám sát ngẫu nhiên quá trình lấy số liệu nhằm đảm bảo dữ liệu thu được là đúng và đủ theo yêu cầu.

## 2.7. Xử lý và phân tích số liệu.

Sau khi được làm sạch, số liệu được phân tích trên phần mềm SPSS. Thống kê mô tả: tỷ lệ %, trung bình, độ lệch chuẩn (SD). Thống kê suy luận: Hồi quy logistic để tìm mối liên quan giữa đầu ra là biến kiến thức, thái độ của nhân viên y tế và biến độc lập bao gồm: tuổi, giới, chức vụ, bằng cấp, khu vực làm việc, số năm công tác

## 2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự chấp thuận của Ban lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City. Nghiên cứu không ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của những người tham gia nghiên cứu khi đang làm việc tại bệnh viện. Khi đã lựa chọn được đối tượng đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu, nhóm nghiên cứu sẽ giải thích về mục đích nghiên cứu và mời họ tham gia vào nghiên cứu. Người tham gia sẽ được ký vào bản đồng thuận tham gia nghiên cứu. Tính bảo mật được đảm bảo do việc thu thập dữ liệu chỉ phục vụ cho công tác nghiên cứu.

## 3. KẾT QUẢ

### 3.1. Kiến thức, thái độ của NVYT về báo cáo ADR

*Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=375)*

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu		Số lượng	%
Tuổi	<30	114	30,4
	30-45	238	63,5
	≥46	23	6,1
Giới	Nam	87	23,2
	Nữ	288	76,8
Chức vụ	Bác sỹ	79	21,1
	Điều dưỡng viên	262	79,8
	Nữ hộ sinh	34	9,1
Bằng cấp	Trên đại học	107	28,5
	Đại học	207	55,2
	Cao đẳng	61	16,3
Khu vực làm việc	Nội trú	217	57,9
	Ngoại trú	158	42,1

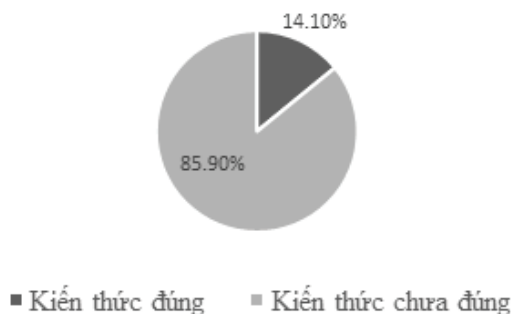
Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu		Số lượng	%
Số năm công tác	<5	67	17,9
	5-15	261	69,6
	≥16	47	12,5
Tham gia đào tạo/ tập huấn về cảnh giác dược	Có	281	74,9
	Không	94	25,1

Nhóm tuổi từ 30-45 chiếm tỷ lệ cao nhất (63,5%), tỷ lệ NVYT là nữ (76,8%) gấp 3 lần số NVYT nam. Trong tổng số 375 đối tượng nghiên cứu, bác sỹ chiếm 21,1%, còn lại 78,9% là điều dưỡng và nữ hộ sinh. Trên 93% đối tượng nghiên cứu được đào tạo đại học và sau đại học. số NVYT có kinh nghiệm từ 5 đến 15 năm chiếm

tỷ lệ cao nhất 69,6%. Trong tổng số 375 NVYT tham gia khảo sát có 281 (74,9%) NVYT nhớ rằng mình đã tham gia đào tạo và tập huấn về cảnh giác Dược và sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, 94 (25,1%) NVYT không nhớ hoặc chưa được đào tạo

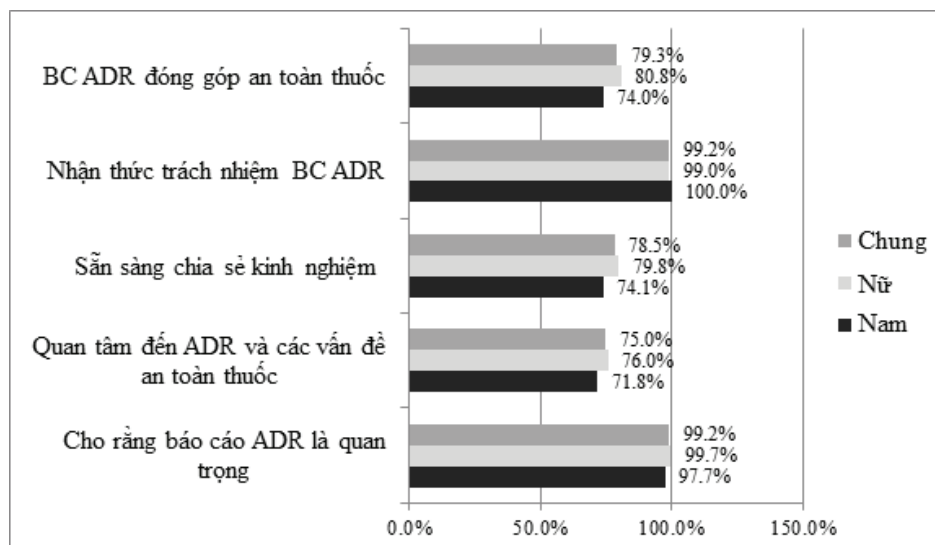
Hình 3.1. Kiến thức của NVYT về báo cáo ADR

**Kiến thức đúng về báo cáo ADR**



Tỷ lệ NVYT trả lời đúng toàn bộ các câu hỏi về kiến thức ADR theo nghiên cứu rất thấp, 14,1%.

Hình 3.2. Thái độ của NVYT với hoạt động báo cáo ADR theo giới



Hầu hết NVYT đều cho rằng báo cáo ADR là quan trọng, và nhận thức được tầm quan trọng của báo cáo ADR, tỷ lệ đều là 99,2%. Đa số NVYT đều “quan tâm đến ADR và các vấn đề an toàn thuốc trong thực hành lâm sàng” (75,0%), nhóm nữ giới có tỷ lệ này cao hơn nam giới (76,0% và 71,8%). Tương tự như vậy, khi gặp ADR trong thực hành nhóm NVYT là nữ giới (79,8%) thường sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm cho đồng nghiệp cao hơn nam giới (74,1%) và nhóm NVYT nữ cũng

cho rằng “báo cáo ADR có đóng góp trong việc phát hiện, đánh giá các vấn đề an toàn trong sử dụng thuốc từ đó thúc đẩy sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả” (80,8%) cao hơn nhóm NVYT nam, 74,0%.

### 3.2. Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ của NVYT về báo cáo ADR

Mối liên quan giữa kiến thức của NVYT với một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu qua phân tích đa biến cho kết quả như bảng sau:

**Bảng 3.2. Mối liên quan giữa kiến thức của NVYT với đặc điểm của NVYT**

Yếu tố liên quan		Kiến thức đầy đủ về ADR		
		OR	95% CI	P
Giới	Nam	-	-	0,229
	Nữ	1,654	0,729-3,752	
	Điều dưỡng/nữ hộ sinh	1,809	0,347-3,424	
Khối	Nội	-	-	0,356
	Ngoại	1,341	0,720-2,499	
Chức vụ	Nhân viên	-	-	0,561
	Lãnh đạo/ quản lý	1,433	0,425-4,827	
Bằng cấp	Đại học / Cao đẳng	-	-	0,323
	Trên đại học	1,685	0,609-4,512	
Năm kinh nghiệm	< 5 năm	-	-	0,702
	5-15 năm	1,411	0,242-8,235	
	≥ 16 năm	0,882	0,220-3,542	
Nhóm tuổi	< 30 tuổi	-	-	0,578
	30 -45 tuổi	1,255	0,563-2,801	
	≥ 46 tuổi	1,341	0,188-9,570	
Đào tạo cảnh giác dược	Có	-	-	0,908
	Không/không nhớ	1,047	0,481-2,282	

Không tìm thấy bất cứ mối liên quan nào giữa kiến thức đầy đủ về ADR với giới, khối, bằng cấp, chức vụ, nhóm

tuổi và kinh nghiệm và được đào tạo về cảnh giác dược ( $p>0,05$ ).



**Bảng 3.3. Phân tích mối liên quan đến thái độ của NVYT với đặc điểm của NVYT**

Yếu tố liên quan		Thái độ của NVYT về ADR		
		OR	95% CI	P
Giới	Nam	-	-	0,721
	Nữ	1,132	0,574-2,231	
	Bác sỹ	2.023	0,740-5,528	
Khối	Nội	-	-	0,008
	Ngoại	2,279	1,241-4,185	
Chức vụ	Nhân viên	-	-	0,403
	Lãnh đạo/ quản lý	1,809	0,451-7,263	
Bằng cấp	Đại học / Cao đẳng	-	-	0,307
	Trên đại học	1,591	0,653-3,877	
Năm kinh nghiệm	< 5 năm	-	-	0,265
	5-15 năm	2,897	0,449-18,471	
	≥ 16 năm	1,902	0,388-9,325	
Nhóm tuổi	< 30 tuổi	-	-	0,227
	30 -45 tuổi	1,649	0,732-3,714	
	≥ 46 tuổi	1,691	0,214-13,367	
Đào tạo cảnh giác được	Không/không nhớ	-	-	0,770
	Có	1,107	0,560-2,188	

Có mối liên quan giữa thái độ đúng về ADR với khối nơi NVYT làm việc ( $p < 0,05$ ). Cụ thể tỷ lệ NVYT làm việc tại khối ngoại có thái độ tốt hơn nhóm NVYT khối nội 2,3 lần. Nghiên cứu không tìm thấy mối quan hệ giữa thái độ của NVYT với giới tính, bằng cấp, năm kinh nghiệm, thời gian công tác, chức vụ, đào tạo cảnh giác được ( $p > 0,05$ ).

#### 4. BÀN LUẬN

Về kiến thức chung của NVYT nghiên cứu cho kết quả chỉ có 14,1% NVYT có kiến thức đúng tuy nhiên tỷ lệ đào tạo, tập về báo cáo ADR của NVYT khá cao. Điều này có thể lý giải do hoạt động đào tạo này chưa được thực hiện thường xuyên lặp lại hoặc chưa hiệu quả nên dẫn tỷ lệ kiến thức đúng còn thấp.

Kết quả khảo sát của bộ câu hỏi trong nghiên cứu này cho thấy, hầu hết NVYT bệnh viện (99,2%) nhận thức được

trách nhiệm cần báo cáo ADR, tỷ lệ này ở nghiên cứu của Julianne Frimpomaa Powell và cộng sự năm 2023 ở Ghana là 82,3% [6] there is limited information on the perspectives of healthcare workers directly involved in drug administration. The present study investigated the knowledge, attitude and practice of physicians and nurses at the Cape Coast Teaching Hospital (CCTH, nghiên cứu của Nguyễn Huy Tuấn và cộng sự thực hiện năm 2015 tại bệnh viện Phụ Sản Trung ương là 91,4% [7], kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Lan Anh và cộng sự 99,87% [5].

Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức và một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu như giới tính, chuyên môn, bằng cấp, khối, chức vụ, kinh nghiệm cũng như nhóm tuổi của của NVYT khi phân tích đa biến. Nghiên cứu cho thấy NVYT dù đã tham gia đào tạo cảnh giác Được, sử dụng thuốc an toàn hợp lý (74,9%) hay chưa tham gia đào tạo (25,1%) đều có kiến

thức chưa được tốt về “định nghĩa cảnh giác Dược”, “khái niệm ADR” đều nhỏ hơn 50,0% và chỉ có khoảng hơn một nửa số lượng NVYT (56,5%) trả lời đúng về thời gian báo cáo ADR, thông tin tối thiểu cần điền trong biểu mẫu ADR tuy vậy sự khác biệt về kiến thức đầy đủ của NVYT về ADR giữa hai nhóm được đào tạo và không được đào tạo đều chưa có ý nghĩa thống kê, trong khi đó nghiên cứu của Mohammed Assen Seid và cộng sự thực hiện năm 2018 tại Ethiopia khi chỉ ra rằng có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa kiến thức của NVYT với việc tham gia đào tạo cảnh giác dược, khác biệt có thể do mẫu số của nghiên cứu này chỉ là 102 và nhóm NVYT được lựa chọn bao gồm cả dược sỹ và các nhân viên y tế khác [8].

## 5. KẾT LUẬN

Chỉ có 14,1% NVYT có kiến thức đầy đủ về ADR, 99,2% người trả lời nhận thức được báo cáo ADR là trách nhiệm của NVYT và coi đây là vấn đề quan trọng. Về kiến thức, nghiên cứu không tìm thấy bất cứ mối liên quan nào giữa kiến thức đầy đủ của NVYT với các đặc điểm của người trả lời như giới, chuyên môn, bằng cấp, chức vụ, khối, nhóm tuổi, kinh nghiệm và đào tạo cảnh giác dược. Về thái độ, nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa thái độ của NVYT với khối mà NVYT đang làm việc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Coleman JJ, Pontefract SK, Adverse drug reactions. Clin Med, 2016, 16(5): 481–485.
- [2] Tổng kết công tác báo cáo ADR năm 2022. <http://magazine.canhgiacduoc.org.vn/Magazine/Details/278>. Accessed: 04/04/2023.
- [3] Bùi Thị Trà, Phân tích kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên y tế về báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại một số bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh khu vực phía Bắc, Luận văn Đại học Dược Hà Nội, 2016.
- [4] European Centre for Disease Prevention and Control, Sample size guidance for surveillance data. Stockholm: ECDC; 2023.
- [5] Trần Thị Lan Anh và cộng sự, Phân tích kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên y tế về báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại một số bệnh viện đa khoa năm 2020, Tạp chí Y học Việt Nam, 502(2), 2021.
- [6] Powell JF, Henneh IT, Ekor M, Knowledge, attitude and practice of physicians and nurses at the cape coast teaching hospital in the Central Region of Ghana on spontaneous adverse drug reaction reporting; PLoS One, 18(7), 2023.
- [7] Nguyễn Huy Tuấn và cộng sự, Khảo sát nhận thức, thái độ và thực hành báo cáo phản ứng có hại của thuốc của nhân viên bệnh viện Phụ sản trung ương, Tạp chí Y- Dược học quân sự, số 4, 2015, 23-28
- [8] Seid MA, Kasahun AE, Mante BM et al., Healthcare professionals’ knowledge, attitude and practice towards adverse drug reaction (ADR) reporting at the health center level in Ethiopia. Int J Clin Pharm, 2018, 40(4), 895–902.

